

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI

Hà Nội, tháng 06 năm 2026



MỤC LỤC

Trang

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần	10
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	11
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	11
Điều 12. Quyền của cổ đông	11
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 17. Thay đổi các quyền	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	22

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	28
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	30
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..	32
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	33
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	34
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	37
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	37
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	38
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	38
Điều 34. Người điều hành Công ty	38
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	39
IX. BAN KIỂM SOÁT	40
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát.....	40
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	40
Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát	41
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát	41
Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát	42
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát	42
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	43
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	43
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	44
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	45
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	45

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	46
Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn.....	46
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	46
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	46
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	47
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	47
Điều 48. Năm tài chính.....	47
Điều 49. Chế độ kế toán	47
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	47
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	48
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	48
Điều 52. Kiểm toán.....	48
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP	48
Điều 53. Dấu của Công ty	48
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	48
Điều 54. Giải thể Công ty.....	48
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	49
Điều 56. Thanh lý	49
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	50
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	50
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	50
Điều 58. Điều lệ Công ty	50
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 59. Ngày hiệu lực.....	51
PHỤ LỤC 01: NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH.....	52
PHỤ LỤC 02: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY	54

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài tổ chức vào ngày 25 tháng 06 năm 2026.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) "Công ty" là Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài;

b) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

c) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) "Luật Doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

đ) "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

e) "Bộ luật Dân sự" là Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

g) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

h) "Người điều hành Công ty" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán;

i) "Người quản lý Công ty" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán;

k) "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

l) "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Người điều hành Công ty;

m) “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

n) “Người có quan hệ gia đình” là những người có mối quan hệ theo quy định tại Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

o) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

p) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

q) “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;

r) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác.

s) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

t) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

u) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Từ, thuật ngữ được định nghĩa trong Bộ luật Dân sự và Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
- Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: NOIBAI CARGO TERMINAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
- Tên viết tắt: NCTS .,JSC

2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Sân bay Quốc tế Nội Bài, xã Nội Bài, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 35840905
- Fax: (84-24) 35840906
- Email: info@noibaicargo.com.vn
- Website: ncts.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) Người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo Quy định của Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

a) Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không.

Chi tiết:

- Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất;
- Dịch vụ vận chuyển mặt đất;
- Các dịch vụ khác hỗ trợ cho vận chuyển.

b) Các ngành nghề khác: Chi tiết tại Phụ lục 01 - Ngành nghề kinh doanh.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi nhuận tối đa cho cổ đông, bảo toàn, phát triển vốn, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động, đóng góp ngân sách nhà nước, phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 261.669.400.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi một tỷ, sáu trăm sáu mươi chín triệu, bốn trăm ngàn đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 26.166.940 (Hai mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi sáu ngàn, chín trăm bốn mươi) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng Việt Nam trên một cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty,



trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu, hoặc ghi nhận vào sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của Công ty tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Đối với cổ phiếu của Công ty đã đăng ký lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác có chức năng

tương đương), các thủ tục sẽ được thực hiện theo quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (hoặc cơ quan khác có chức năng tương đương) và pháp luật có liên quan.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi

cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật có liên quan;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông). Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền khi yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông,

tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và các Quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo

vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có

trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả

chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này và khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

n) Phê duyệt các hợp đồng, giao dịch được Công ty ký kết với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua tại cuộc họp các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;

đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

i) Định hướng phát triển Công ty;

k) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

p) Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 điều này và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

20.
HỒ
HÀ

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Cổ đông là tổ chức sở hữu đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được ủy quyền tối đa hai (02) Người đại diện; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được ủy quyền tối đa ba (03) Người đại diện; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được ủy quyền tối đa bốn (04) Người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một (01) Người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại hoặc một thời điểm khác (nếu có) được người triệu tập họp quyết định khi triệu tập họp.

4. Người đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trách nhiệm theo Điều 14, Điều 15 Luật Doanh nghiệp.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông, sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp;

g) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

h) Các công việc khác phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

11/11/2023
CH
N
VH

Handwritten signature

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

c) Trình tự đăng ký cổ đông dự họp được quy định cụ thể tại Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty, các quy định pháp luật hiện hành và được người triệu tập họp quy định phù hợp với từng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một (01) người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định hình thức họp trực tiếp, trực tuyến, kết hợp trực tuyến và trực tiếp hoặc các hình thức khác phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế tùy thời điểm. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty quy định tại Điều 11 Điều lệ này;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin

điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ ba mươi lăm phần trăm (35%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi lăm phần trăm (65%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên và nếu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đảm bảo tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và tối thiểu một (01) thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Hội đồng quản trị có quyền quyết định các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư đã được phê duyệt trong phạm vi tổng ngân sách đầu tư bằng hoặc nhỏ hơn một trăm mười phần trăm (110%) kế hoạch hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc quyết định đầu tư phải đảm bảo mục tiêu đầu tư có hiệu quả và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất trong trường hợp vượt mười phần trăm (10%) tổng kế hoạch đầu tư hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- l) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- m) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- n) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- o) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- p) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

q) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

r) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Khoản 82 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 sửa đổi một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thù lao của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.



5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc

làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến, hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và/ hoặc các hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật

01
DỊCH
VĂN

Handwritten signature

Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

11
12
13
14
15
16
17
18

e) Các hình thức và phương tiện khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

14. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b, khoản 14 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 12 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d, khoản 14 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một (01) hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 42 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại

cuộc họp. Nghị quyết cũng có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị.

16. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban/ban/bộ phận thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban/ban/bộ phận trực thuộc về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban/ban/bộ phận do Hội đồng quản trị quyết định, số lượng thành viên tối thiểu là hai (02) người. Hoạt động của tiểu ban/ban/bộ phận phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban/ban/bộ phận chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban/ban/bộ phận.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban/ban/bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm ít nhất một (01) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành Công ty phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.



Handwritten signature

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

6. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban Kiểm soát của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng cử viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết

định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ hai mươi phần trăm (20%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công

ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và Công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

11/01/2005 + 4/4/11

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Dấu của Công ty bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của Điều lệ này, các quy chế, quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07 tháng) trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

72
Y
IN
GT
A
H

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài nhất trí thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2026 tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành sáu (06) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT


Trần Việt Phương

PHỤ LỤC 01:**NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH**

(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài được Đại Hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2026)

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: - Cho thuê kho, bãi đỗ xe; - Kinh doanh kho bãi; - Cho thuê kios, văn phòng phục vụ mục đích kinh doanh.	6810
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: - Các dịch vụ khác hỗ trợ cho vận chuyển; - Dịch vụ vận chuyển mặt đất; - Dịch vụ khai thác nhà ga hành khách; Dịch vụ khai thác nhà ga, kho hàng hóa; Dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất. (Chi triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện của pháp luật, phạm vi hoạt động kinh doanh thực hiện theo giấy phép hoạt động của cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có)).	5223 (chính)
3	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Bốc xếp hành lý, hàng hóa đường bộ, đường không.	5224
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ kiểm tra hàng, cân hàng; - Dịch vụ giao nhận hàng hóa đường không, đường biển, đường bộ; - Đại lý làm thủ tục hải quan. - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa (trừ vận tải hàng hóa hàng không).	5229
5	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng.	8559
6	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị.	3312
7	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học.	3313
8	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện.	3314

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
9	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác).	3315
10	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661
11	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác.	9531
12	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662
13	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, các thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất thương mại, công nghiệp, hàng hải và những dịch vụ khác; Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy.	4659
14	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4679
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng, vận tải hàng nặng, cho thuê xe tải có người lái, cho thuê ô tô chuyên dụng có kèm người lái để vận tải hàng hóa, vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác.	4933
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Hoạt động lưu giữ, kho chứa hàng hóa thông thường, kho đông lạnh.	5210
17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy.	5225
18	Chuyên phát Chi tiết: Dịch vụ nhận gửi, chuyển, phát hàng hóa trong nước và quốc tế.	5320
19	Quảng cáo (trừ loại Nhà nước cấm).	7310
20	Cho thuê xe có động cơ.	7710
21	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).	7730
22	Cung ứng lao động tạm thời.	7821
23	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng.	8210
24	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá độc lập). Ủy thác và nhận ủy thác xuất, nhập khẩu hàng hóa.	8299
25	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

64C
IG
PH
HÀN
(B)
10

PHỤ LỤC 02:

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

(Thông tin về cổ đông sáng lập và tỉ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông sáng lập tại thời điểm thành lập Công ty)
(Ban hành kèm theo Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hoá Nội Bài
được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 06 năm 2026)

Stt	Tên cổ đông	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Mã số DN: 0100107518	Số 200, phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	2.100.000	60
2	Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu	Mã số DN: 0100105937	Số 74, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	280.000	8
3	Công ty Dịch vụ hàng không Sân bay Nội Bài	Mã số DN: 0100108254	Sân bay Quốc tế Nội Bài, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	280.000	8



CHARTER
NOI BAI CARGO TERMINAL SERVICES
JOINT STOCK COMPANY



Ha Noi, June 2026

CONTENTS

	Page
PREAMBLE.....	5
I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER.....	5
Article 1. Interpretation.....	5
II. NAME, LEGAL FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY	7
Article 2. Name, legal form, head office, branches, representative offices, business locations, and term of operation of the Company	7
Article 3. Legal Representative of the Company	7
III. OBJECTIVES, BUSINESS LINES AND SCOPE OF BUSINESS OPERATIONS OF THE COMPANY	8
Article 4. Objectives of the Company.....	8
Article 5. Scope of Business Operations.....	8
IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS	8
Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders	8
Article 7. Share certificates	9
Article 8. Other securities certificates.....	10
Article 9. Transfer of shares.....	10
Article 10. Forfeiture of shares	10
V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND SUPERVISION	11
Article 11. Organizational structure, governance, and supervision.....	11
VI. SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS.....	11
Article 12. Rights of shareholders.....	11
Article 13. Obligations of shareholders	14
Article 14. General Meeting of Shareholders	15
Article 15. Rights and duties of the General Meeting of Shareholders	16
Article 16. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders	18
Article 17. Variation of rights	19
Article 18. Convening meetings, meeting agenda, and notice of meeting of the General Meeting of Shareholders	20
Article 19. Quorum for Meetings of the General Meeting of Shareholders.....	22
Article 20. Procedures for conducting and voting at the meeting of the General Meeting of Shareholders	23

Article 43. Liability for damages and indemnification.....	48
XI. RIGHT TO INSPECT BOOKS AND RECORDS OF THE COMPANY ...	49
Article 44. Right to inspect books and records	49
XII. EMPLOYEES AND TRADE UNIONS	50
Article 45. Employees and trade union.....	50
XIII. PROFIT DISTRIBUTION	50
Article 46. Profit distribution	50
XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING SYSTEM..	51
Article 47. Bank accounts	51
Article 48. Fiscal year	51
Article 49. Accounting system.....	51
XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND	
INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS.....	51
Article 50. Annual, Semi-Annual and Quarterly Financial Statements.....	51
Article 51. Annual Report.....	52
XVI. AUDIT OF THE COMPANY	52
Article 52. Audit.....	52
XVII. COMPANY SEAL	52
Article 53. Company seal.....	52
XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY	53
Article 54. Dissolution of the Company	53
Article 55. Extension of the Company's operating term.....	53
Article 56. Liquidation.....	53
XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION	54
Article 57. Internal dispute resolution.....	54
XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER	55
Article 58. Charter of the Company	55
XXI. EFFECTIVE DATE	55
Article 59. Effective date	55
APPENDIX 01: BUSINESS LINES.....	56
APPENDIX 02: LIST OF FOUNDING SHAREHOLDERS OF THE	
COMPANY.....	59

10.
T
HÀ
AN
B.
3

PREAMBLE

This Charter was duly adopted pursuant to a valid resolution of the General Meeting of Shareholders of Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company held on June 25th, 2026.

I. DEFINITION OF TERMS IN THE CHARTER

Article 1. Interpretation

1. In this Charter, the following terms shall have the meanings set forth below:

a) "Company" means Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company;

b) "Charter Capital" means the aggregate par value of all classes of shares sold by the Company as specified in Article 6 of this Charter;

c) "Voting Capital" means share capital that entitles its holder to vote on matters falling within the authority of the General Meeting of Shareholders;

d) "Law on Enterprises" means the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 17/6/2020, as amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15, Law No. 76/2025/QH15, and any amendments, supplements, or replacement legislation thereto;

đ) "Law on Securities" means the Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26/11/2019 and any amendments, supplements, or replacement legislation thereto;

e) "Civil Code" means the Civil Code No. 91/2015/QH13 dated 24/11/2015 and any amendments or supplements thereto;

g) "Date of Incorporation" means the date on which the Company was first granted its Enterprise Registration Certificate (Business Registration Certificate or any equivalent legal document);

h) "Executive Officers" means the General Director, Deputy General Directors and Chief Accountant/Person in Charge of Accounting;

i) "Managers" means the Chairman of the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, Deputy General Directors and the Chief Accountant/Person in Charge of Accounting;

k) “Related Person” means any individual or organization as defined in Clause 23, Article 4 of the Law on Enterprises and Clause 46, Article 4 of the Law on Securities;

l) “Non-Executive Member of the Board of Directors” means a member of the Board of Directors who is not an Executive Officer of the Company;

m) “Independent Member of the Board of Directors” means a member of the Board of Directors satisfying the criteria and conditions specified in Clause 2, Article 155 of the Law on Enterprises;

n) “Family-Related Person” means persons having family relationships as defined in Clause 22, Article 4 of the Law on Enterprises;

o) “Shareholder” means any individual or organization owning at least one share of a joint stock company;

p) “Founding Shareholder” means a shareholder owning at least one ordinary share and whose name appears on the list of founding shareholders of the joint stock company;

q) “Major Shareholder” means a shareholder as defined in Clause 18, Article 4 of the Law on Securities;

r) “Dividends” mean the net profit paid on each share in cash or other assets

s) “Operating Term” means the duration of operation of the Company as specified in Article 2 of this Charter and any extension thereof approved by the General Meeting of Shareholders;

t) “Stock Exchange” means the Vietnam Stock Exchange and its subsidiaries;

u) “Vietnam” means the Socialist Republic of Vietnam.

2. References in this Charter to any provision of law or legal document shall include any amendments, supplements, or replacement documents thereto.

3. Headings (Chapters and Articles) are inserted for convenience of reference only and shall not affect the interpretation of this Charter.

4. Terms and expressions defined in the Civil Code, the Law on Enterprises, the Law on Securities and other applicable laws (provided that they are not inconsistent with the relevant subject matter or context) shall have the same meanings when used in this Charter.

II. NAME, LEGAL FORM, HEAD OFFICE, BRANCHES, REPRESENTATIVE OFFICES, BUSINESS LOCATIONS, TERM OF OPERATION, AND LEGAL REPRESENTATIVE OF THE COMPANY

Article 2. Name, legal form, head office, branches, representative offices, business locations, and term of operation of the Company

1. Company Name:

- Vietnamese name: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HÓA NỘI BÀI
- English name: NOIBAI CARGO TERMINAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY
- Trading name: NOI BAI CARGO TERMINAL SERVICES JOINT STOCK COMPANY
- Abbreviated name: NCTS .,JSC

2. The Company is a joint stock company with legal entity status under the laws of Vietnam.

3. Registered Head Office

- Head office address: Noi Bai International Airport, Noi Bai Commune, Hanoi City, Vietnam
- Tel: (84-24) 35840905
- Fax: (84-24) 35840906
- Email: info@noibaicargo.com.vn
- Website: ncts.vn

4. The Company may establish branches, representative offices, and business locations within its business areas, in accordance with the resolutions of the Board of Directors and to the extent permitted by law, to achieve the Company's business objectives.

5. Unless terminated prior to its expiry pursuant to Clause 2, Article 54 of this Charter or its term is extended in accordance with Article 55 of this Charter, the Company shall operate for an indefinite term commencing from the Date of Incorporation.

Article 3. Legal Representative of the Company

1. The Company shall have one (01) Legal Representative. The General Director shall be the Legal Representative of the Company.

2. The powers and obligations of the Legal Representative shall be as prescribed by the Law on Enterprises.

III. OBJECTIVES, BUSINESS LINES AND SCOPE OF BUSINESS OPERATIONS OF THE COMPANY

Article 4. Objectives of the Company

1. Business Lines of the Company

a) Principal Business Line

Provision of support services directly related to air transportation.

Details:

- Passenger terminal operation services; cargo terminal and warehouse operation services; ground handling and commercial technical services;
- Ground transportation services;
- Other support services related to transportation.

b) Other Business Lines: Details are set out in Appendix 01 - Business Lines.

2. The Company's objectives are to maximize returns to shareholders, preserve and develop capital, create employment and income for employees, contribute to the State budget, and continuously strengthen and expand the Company's operations.

Article 5. Scope of Business Operations

The Company may conduct business activities in the business lines specified in this Charter, provided that such business lines have been duly registered or any changes thereto have been duly notified to the business registration authority and disclosed on the National Business Registration Portal.

IV. CHARTER CAPITAL, SHARES, AND FOUNDING SHAREHOLDERS

Article 6. Charter capital, shares, and founding shareholders

1. The Charter Capital of the Company is VND 261,669,400,000 (in words: Two Hundred Sixty-One Billion Six Hundred Sixty-Nine Million Four Hundred Thousand Vietnamese Dong only). The Charter Capital is divided into 26,166,940 (Twenty-Six Million One Hundred Sixty-Six Thousand Nine Hundred Forty)

shares, each having a par value of VND 10,000 (Ten Thousand Vietnamese Dong).

2. The Company may adjust its Charter Capital upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with applicable laws.

3. As of the date of adoption of this Charter, all issued shares of the Company are ordinary shares. The rights and obligations attached to such shares are set out in Articles 12 and 13 of this Charter.

4. The Company may issue other classes of preference shares upon approval by the General Meeting of Shareholders and in accordance with applicable laws.

5. The names, addresses, number of shares held, and other information relating to the Founding Shareholders as required by the Law on Enterprises are set out in the attached Appendix, which forms an integral part of this Charter.

Ordinary shares shall first be offered to existing shareholders in proportion to their respective holdings of ordinary shares in the Company, unless otherwise resolved by the General Meeting of Shareholders. Any shares not subscribed for by existing shareholders shall be disposed of at the discretion of the Board of Directors. The Board of Directors may allocate such shares to existing shareholders or other persons on terms no more favorable than those offered to existing shareholders, unless otherwise approved by the General Meeting of Shareholders.

6. The Company may repurchase shares issued by the Company in accordance with this Charter and applicable laws.

7. The Company may issue other types of securities in accordance with applicable laws.

Article 7. Share certificates

1. Shareholders shall be issued share certificates or have their ownership recorded in the Company's register of securities holders corresponding to the number and class of shares held.

2. A share certificate is a security that evidences the lawful rights and interests of its holder in a portion of the issuing organization's share capital. A share certificate shall contain all particulars required under Clause 1, Article 121 of the Law on Enterprises.

A share certificate shall bear the seal of the Company and the signature of the Chairman of the Board of Directors or the Legal Representative of the Company in accordance with applicable laws.

3. Within thirty (30) working days from the date of receipt of a complete application for transfer of share ownership in accordance with the Company's regulations, or within sixty (60) days from the date full payment for subscribed shares is made in accordance with the Company's share issuance plan (or such other period as provided in the issuance terms), the shareholder shall be issued a share certificate. No fee shall be payable by a shareholder for the issuance of a share certificate.

4. When a share certificate is lost, damaged, or otherwise destroyed, the shareholder may request the Company to issue a replacement certificate. Such a request shall include:

- a) Information relating to the lost, damaged, or destroyed share certificate;
- b) An undertaking to assume responsibility for any dispute arising from the issuance of the replacement share certificate.

5. For shares registered in a centralized depository with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (or any successor organization performing equivalent functions), relevant procedures shall be carried out in accordance with the regulations of the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (or any successor organization performing equivalent functions) and applicable laws.

Article 8. Other securities certificates

Bond certificates and other securities certificates issued by the Company shall bear the signature of the Legal Representative and the seal of the Company.

Article 9. Transfer of shares

1. All shares shall be freely transferable unless otherwise provided by this Charter or applicable laws. Shares listed or registered for trading on a Stock Exchange shall be transferred in accordance with securities laws and regulations governing the securities market.

2. Shares that have not been fully paid for shall not be transferable and shall not enjoy associated rights, including the right to receive dividends, bonus shares issued from equity capital, rights to subscribe for newly issued shares, and other rights as prescribed by law.

Article 10. Forfeiture of shares

1. When a shareholder fails to pay in full and on time the amount payable for subscribed shares, the Board of Directors may require such shareholder to pay the outstanding amount and remain liable for the financial obligations of the Company corresponding to the total par value of the subscribed shares.

2. The notice of payment shall specify the revised payment deadline (at least seven (07) days from the date of the notice), the place of payment, and state that any unpaid shares may be forfeited if payment is not made as required.

3. The Board of Directors may forfeit shares that have not been fully paid for by the due date if the requirements specified in the payment notice are not complied with.

4. Forfeited shares shall be deemed authorized but unissued shares under Clause 3, Article 112 of the Law on Enterprises. The Board of Directors may directly sell or otherwise reallocate such shares on such terms and conditions as it considers appropriate.

5. A shareholder whose shares have been forfeited shall cease to be a shareholder in respect of those shares but shall remain liable for the Company's financial obligations corresponding to the total par value of the subscribed shares arising prior to the date of forfeiture, until full payment is made. The Board of Directors shall have full authority to enforce payment of the outstanding amount.

6. Notice of forfeiture shall be sent to the holder of the forfeited shares before the forfeiture takes effect. The forfeiture shall remain valid notwithstanding any error or omission in the giving of such notice.

V. ORGANIZATIONAL STRUCTURE, GOVERNANCE, AND SUPERVISION

Article 11. Organizational structure, governance, and supervision

The Company's management, governance, and supervision structure shall comprise:

1. The General Meeting of Shareholders;
2. The Board of Directors;
3. The Board of Supervisors;
4. The General Director.

VI. SHAREHOLDERS AND THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Article 12. Rights of shareholders

1. Rights of Ordinary Shareholders:

a) To attend and speak at the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights directly, through authorized representatives, or by other means as prescribed by this Charter and applicable laws. Each ordinary share shall carry one vote;

b) To receive dividends at the rate determined by the General Meeting of Shareholders;

c) To have pre-emptive rights to subscribe for newly issued shares in proportion to their respective holdings of ordinary shares in the Company;

d) To freely transfer their shares to other persons, except as otherwise provided in Clause 3, Article 120 and Clause 1, Article 127 of the Law on Enterprises and other applicable laws;

đ) To inspect, search, and extract information relating to names and contact addresses of shareholders entitled to vote and request correction of inaccurate information relating to themselves;

e) To inspect, search, extract, or obtain copies of the Company's Charter, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders, and resolutions of the General Meeting of Shareholders;

g) To receive a portion of the Company's remaining assets in proportion to their shareholding upon dissolution or bankruptcy of the Company;

h) To require the Company to repurchase shares in the cases prescribed in Article 132 of the Law on Enterprises;

i) To be treated equally. Each share of the same class shall confer equal rights, obligations, and interests upon its holder. Where the Company issues preference shares, the rights and obligations attached thereto must be approved by the General Meeting of Shareholders and fully disclosed to shareholders;

k) To have full access to periodic and extraordinary information disclosed by the Company in accordance with applicable laws;

l) To have their lawful rights and interests protected and to request suspension or cancellation of resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors in accordance with other applicable laws;

m) Other rights as provided by law and this Charter.

2. Rights of shareholders or groups of shareholders holding five percent (05%) or more of ordinary shares:

a) To request the Board of Directors to convene a meeting of the General Meeting of Shareholders. The request must be made in writing and shall include

the following information: full name, contact address, nationality and legal document number in respect of an individual shareholder; name, enterprise registration number or legal document number, and head office address in respect of an organizational shareholder; the number of shares held and the date of share registration of each shareholder, the total number of shares held by the shareholder group and the ownership ratio in the total number of shares of the Company; and the grounds and reasons for requesting the convening of the General Meeting of Shareholders. The request to convene a General Meeting of Shareholders must be accompanied by documents and evidence relating to violations committed by the Board of Directors, the severity of such violations, or decisions made beyond the Board of Directors' authority. The shareholder or shareholder group shall bear full legal responsibility for the accuracy and truthfulness of the documents and evidence provided to the competent authorities when requesting the convening of a General Meeting of Shareholders.

b) To inspect, search, and extract minutes, resolutions, and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts and transactions subject to approval by the Board of Directors, and other documents, except those relating to the Company's trade secrets and business secrets;

c) To request the Board of Supervisors to examine specific matters relating to the management and operation of the Company, where deemed necessary. Such request must be made in writing and contain the following particulars: Full name, contact address, nationality, and legal identification documents in respect of individual shareholders; Name, enterprise registration number or legal documents, and head office address in respect of organizational shareholders; Number of shares held and registration date of shares of each shareholder; Total number of shares held by the shareholder group and the percentage ownership in the Company; Matters to be examined and the purposes of the examination;

d) To propose matters for inclusion in the agenda of the General Meeting of Shareholders. Such proposals must be submitted in writing and delivered to the Company no later than three (03) working days prior to the meeting's opening date. The proposal must clearly state the shareholder's name, the number of shares of each class held, and the matter proposed for inclusion in the agenda;

đ) Other rights as provided by law and this Charter.

3. Shareholders or groups of shareholders holding ten percent (10%) or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates to the Board of Directors and the Board of Supervisors in accordance with Articles 25 and 36 of this Charter. The nomination process shall be conducted as follows:

a) Ordinary shareholders forming a group for nomination purposes must notify attending shareholders of such grouping before the opening of the General Meeting of Shareholders;

b) Based on the number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors, shareholders or groups of shareholders specified in this Clause may nominate one or more candidates in accordance with the decision of the General Meeting of Shareholders. Where the number of candidates nominated is less than the number of candidates they are entitled to nominate, the remaining candidates may be nominated by the Board of Directors, the Board of Supervisors, or other shareholders.

Article 13. Obligations of shareholders

Ordinary shareholders shall have the following obligations:

1. To fully and promptly pay for the subscribed shares.

2. Not to withdraw contributed capital represented by ordinary shares from the Company in any form, except where such shares are repurchased by the Company or transferred to another person. Any shareholder withdrawing part or all of the contributed capital in violation of this Clause and any related person shall be jointly liable for the Company's debts and other property obligations to the extent of the value of the withdrawn shares and any damages incurred.

3. To comply with the Charter and Internal regulations, policies of the Company.

4. To comply with resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

5. To keep confidential information provided by the Company in accordance with the Charter and applicable laws; to use such information solely for exercising and protecting lawful rights and interests; and not to disseminate, copy, or provide such information to any other organization or individual.

6. To attend meetings of the General Meeting of Shareholders and exercise voting rights through one of the following methods:

a) Attending and voting directly at the meeting;

b) Authorizing another individual or organization to attend and vote on their behalf;

c) Participating and voting through online meetings, electronic voting, or other electronic means;

d) Sending voting ballots to the meeting by post, facsimile, or email.

7. To bear personal responsibility when acting in the name of the Company to carry out any of the following acts:

a) Violating the law;

b) Conducting business activities or transactions for personal gain or for the benefit of another organization or individual;

c) Settling debts not yet due where such actions create financial risks for the Company.

8. To perform other obligations as prescribed by applicable laws.

Article 14. General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders comprises all shareholders entitled to vote and is the Company's highest decision-making body. The annual General Meeting of Shareholders shall be held once each year within four (04) months from the end of the fiscal year.

The Board of Directors may decide to extend the convening of the annual General Meeting of Shareholders where necessary, provided that such extension shall not exceed six (06) months from the end of the fiscal year. In addition to annual meetings, extraordinary meetings of the General Meeting of Shareholders may be convened. The meeting shall be held at the place where the Chairperson is present and must be within the territory of Vietnam.

2. The Board of Directors shall convene the annual General Meeting of Shareholders and determine an appropriate venue. The annual General Meeting of Shareholders shall decide matters prescribed by law and this Charter, including, in particular, the approval of the audited annual financial statements. Where the auditor's report on the Company's annual financial statements contains material qualifications, adverse opinions or a disclaimer of opinion, the Company shall invite a representative of the approved auditing firm that conducted the audit to attend the annual General Meeting of Shareholders, and such representative shall be responsible for attending the meeting. Members of the Board of Directors and the Board of Supervisors shall attend the Annual General Meeting of Shareholders to respond to shareholders' questions raised at the meeting (if any). In the event that a member is unable to attend due to force majeure circumstances, such member must provide a written explanation to the Board of Directors and the Board of Supervisors.

3. The Board of Directors shall convene an extraordinary General Meeting of Shareholders in the following circumstances:

a) When deemed necessary for the interests of the Company;

b) When the number of remaining members of the Board of Directors or the Board of Supervisors falls below the minimum number prescribed by law;

c) Upon request of a shareholder or group of shareholders specified in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises. Such a request must be made in writing, stating the reasons and purposes of the meeting and bearing the signatures of the relevant shareholders.

d) Upon request of the Board of Supervisors;

đ) Other cases prescribed by law or this Charter.

4. Convening an Extraordinary General Meeting of Shareholders

a) The Board of Directors must convene a General Meeting of Shareholders within thirty (30) days from the date on which the circumstances specified in Point b, Clause 3 of this Article arise or from receipt of a request specified in Points c and d, Clause 3 of this Article;

b) If the Board of Directors fails to convene the meeting as required, the Board of Supervisors shall, within the following thirty (30) days, convene the meeting in accordance with Clause 3, Article 140 of the Law on Enterprises;

c) Where the Board of Supervisors fails to convene a General Meeting of Shareholders as prescribed in Point b, Clause 4 of this Article, the shareholder or group of shareholders specified in Point c, Clause 3 of this Article shall have the right to request the Company's representative to convene a General Meeting of Shareholders in accordance with the Law on Enterprises. Reasonable costs for convening and conducting the General Meeting of Shareholders shall be reimbursed by the Company.

In such a case, the shareholder or group of shareholders convening the meeting may request the business registration authority to supervise the procedures for convening, conducting, and adopting resolutions at the meeting. All costs incurred in convening and conducting the meeting shall be reimbursed by the Company. Such costs shall not include expenses incurred by shareholders attending the meeting, such as accommodation and travel.

d) Procedures for organizing the meeting shall comply with Clause 2, Article 18 of this Charter and Clause 5, Article 140 of the Law on Enterprises.

Article 15. Rights and duties of the General Meeting of Shareholders

1. The General Meeting of Shareholders shall have the following rights and duties:

a) To approve the Company's development strategy and orientation;

b) To decide on the classes of shares and the total number of shares of each class authorized for offering; and to determine the annual dividend rate for each class of shares;

c) To elect, dismiss, and remove members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;

d) To approve investments in, or disposals of, assets having a value equal to or greater than thirty-five percent (35%) of the total assets of the Company as stated in the most recent financial statements;

đ) To approve amendments and supplements to the Charter;

e) To approve the annual financial statements;

g) To decide on the repurchase of more than ten percent (10%) of the total issued shares of each class;

h) To review and handle violations committed by members of the Board of Directors or the Board of Supervisors that cause damage to the Company and its shareholders;

i) To decide on the reorganization or dissolution of the Company;

k) To determine the budget or total remuneration, bonuses, and other benefits of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

l) To approve the Internal Regulations on Corporate Governance and the Regulations on Operation of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

m) To approve the list of approved audit firms; to appoint the approved audit firm to audit the Company's operations; and to dismiss the approved auditor where deemed necessary;

n) To approve contracts and transactions between the Company and the entities specified in Clause 1, Article 167 of the Law on Enterprises, where the transaction value is equal to or greater than thirty-five percent (35%) of the total assets of the Company as stated in the most recent financial statements;

o) To approve transactions specified in Clause 4, Article 293 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government detailing the implementation of a number of articles of the Law on Securities;

p) Other powers and duties as prescribed by this Charter, the Company's internal regulations and policies, and applicable laws.

2. The General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the following matters at its meetings:

a) The annual business plan of the Company;

- b) The audited annual financial statements;
- c) Reports of the Board of Directors on corporate governance and on the performance of the Board of Directors and each member thereof;
- d) Reports of the Board of Supervisors on the Company's business performance and on the performance of the Board of Directors and the General Director;
- đ) Self-assessment reports of the Board of Supervisors and each member thereof;
- e) Dividend rates for each class of shares;
- g) The number of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;
- h) The election, dismissal, and removal of members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;
- i) The Company's development orientation;
- k) Amendments and supplements to the Charter;
- l) The classes and number of newly issued shares of each class, and the transfer of shares by founding shareholders within the first three (03) years from the Date of Incorporation;
- m) The division, separation, consolidation, merger, or conversion of the Company;
- n) The reorganization and dissolution (liquidation) of the Company and the appointment of liquidators;
- o) Investments in, or disposals of, assets having a value equal to or greater than thirty-five percent (35%) of the total assets of the Company as stated in the most recent financial statements;
- p) The repurchase of more than ten percent (10%) of the total issued shares of each class.

3. The annual General Meeting of Shareholders shall discuss and approve the matters specified in Points a, b, c, d, đ, and e of Clause 2 of this Article and other matters falling within its authority.

4. All resolutions and matters included in the meeting agenda must be discussed and voted on at the General Meeting of Shareholders.

Article 16. Authorization to attend the General Meeting of Shareholders

1. A shareholder or an authorized representative of an institutional shareholder may attend a meeting in person or authorize one or more individuals

or organizations to attend the meeting on behalf or participate through any of the methods prescribed in Clause 3, Article 144 of the Law on Enterprises, this Charter, the Company's internal regulations and policies, and applicable laws.

An institutional shareholder holding less than thirty percent (30%) of the total shares may appoint up to two (02) authorized representatives; holding from thirty percent (30%) to less than fifty percent (50%) may appoint up to three (03) authorized representatives; and holding fifty percent (50%) or more may appoint up to four (04) authorized representatives. Where more than one (01) authorized representative is appointed, the number of shares and voting rights represented by each authorized representative must be specifically determined.

2. The authorization of an individual or organization to attend a General Meeting of Shareholders pursuant to Clause 1 of this Article must be made in writing. The power of attorney shall be prepared in accordance with civil law regulations and must specify the name of the authorizing shareholder, the name of the authorized individual or organization, the number of shares represented, the contents and scope of authorization, the term of authorization, and the signatures of both the authorizing party and the authorized party.

The authorized representative attending the General Meeting of Shareholders must submit the power of attorney upon registration for attendance.

3. Voting ballots cast by an authorized representative within the scope of authorization shall remain valid notwithstanding the occurrence of any of the following events:

- a) The authorizing person dies, has limited legal capacity, or loses legal capacity;
- b) The authorizing person revokes the authorization;
- c) The authorizing person revokes the authority of the person performing the authorization.

This provision shall not apply if the Company receives notice of any of the above events before the opening of the General Meeting of Shareholders, before a reconvened meeting, or at another time (if any) determined by the convener when convening the meeting.

4. Authorized representatives must meet the standards, conditions, and responsibilities set forth in Articles 14 and 15 of the Law on Enterprises.

Article 17. Variation of rights

1. Any variation or cancellation of special rights attached to a class of preference shares shall be effective only if approved by shareholders representing

01/01/2017
C C H N H

at least sixty-five percent (65%) of the total votes of all attending and voting shareholders.

A resolution of the General Meeting of Shareholders adversely affecting the rights and obligations of holders of a class of preference shares shall only be adopted if approved by shareholders attending the meeting and holding at least seventy-five percent (75%) of the total outstanding shares of that class, or by shareholders holding at least seventy-five percent (75%) of the total outstanding shares of that class in the case of a written resolution.

2. A meeting of holders of a class of preference shares convened to approve any variation of rights referred to above shall be valid only if attended by at least two (02) shareholders (or their authorized representatives) holding at least one-third (1/3) of the aggregate par value of the issued shares of that class. If the quorum is not met, a second meeting shall be convened within thirty (30) days thereafter. At such reconvened meeting, holders of shares of that class who attend in person or by proxy shall constitute a valid quorum regardless of the number of attendees or shares represented. At meetings of holders of preference shares, shareholders attending in person or through authorized representatives may request voting by secret ballot. Each share of the same class shall carry equal voting rights at such meetings.

3. The procedures for conducting such separate meetings shall be similar to those set out in Articles 19, 20, and 21 of this Charter.

4. Unless otherwise provided in the terms of issuance of the relevant shares, special rights attached to preference shares relating to the distribution of profits or assets of the Company shall not be deemed varied by the issuance of additional shares of the same class.

Article 18. Convening meetings, meeting agenda, and notice of meeting of the General Meeting of Shareholders

1. The Board of Directors shall convene annual and extraordinary meetings of the General Meeting of Shareholders. Extraordinary meetings shall be convened in the circumstances specified in Clause 3, Article 14 of this Charter.

2. The person convening the General Meeting of Shareholders shall perform the following tasks:

a) Prepare the list of shareholders entitled to attend and vote at the meeting. Such a list shall be prepared based on the Company's Register of Shareholders and Register of Securities Holders. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall be prepared no more than ten (10) days prior to the date on which the notice of meeting is sent. The Company must

disclose information regarding the preparation of the list of shareholders entitled to attend the meeting at least twenty (20) days before the record date;

b) Provide information and resolve complaints relating to the list of shareholders;

c) Prepare the meeting agenda and contents;

d) Prepare meeting documents;

đ) Prepare draft resolutions corresponding to the proposed agenda items; the list of candidates and detailed information relating to the candidates in the election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

e) Determine the time and venue of the meeting;

g) Notify and send notices of the meeting to all shareholders entitled to attend;

h) Perform other tasks necessary for the organization of the General Meeting of Shareholders.

3. The announcement of meeting of the General Meeting of Shareholders shall be sent to all shareholders by a method ensuring delivery to their registered contact addresses and shall simultaneously be disclosed on the Company's website and the information disclosure systems of the State Securities Commission of Vietnam and the Stock Exchange where the Company's shares are listed or registered for trading.

The convening person must send the notice of meeting to all shareholders entitled to attend no later than twenty-one (21) days before the opening date of the meeting (calculated from the date the notice is validly dispatched). The meeting agenda and documents relating to matters to be voted on at the meeting shall be sent to shareholders and/or posted on the Company's website. If meeting documents are not enclosed with the announcement of meeting, the announcement must clearly specify the link providing access to the full set of meeting materials, including:

a) The meeting agenda and documents to be used at the meeting;

b) The list and detailed information of candidates in the election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors;

c) Voting ballots;

d) Draft resolutions for each agenda item.

4. A shareholder or group of shareholders specified in Clause 2, Article 12 of this Charter shall have the right to propose matters for inclusion in the agenda of the

10
17
1A
1N
B
11

General Meeting of Shareholders. Such a proposal must be made in writing and submitted to the Company no later than three (03) working days prior to the meeting's opening date. The proposal must clearly state the shareholder's name, the number of shares of each class held, and the matter proposed for inclusion in the agenda.

5. The person convening the General Meeting of Shareholders may reject a proposal referred to in Clause 4 of this Article in any of the following circumstances:

- a) The proposal is not submitted in accordance with Clause 4 of this Article;
- b) At the time of the proposal, the shareholder or shareholder group does not hold at least five percent (5%) of the total ordinary shares as prescribed in Clause 2, Article 12 of this Charter;
- c) The proposed matter does not fall within the authority of the General Meeting of Shareholders;
- d) Other cases prescribed by law, this Charter, or the Company's internal regulations and policies.

6. The person convening the General Meeting of Shareholders must accept and include a proposal referred to in Clause 4 of this Article in the proposed agenda and meeting contents, except in the cases specified in Clause 5 of this Article. Such a proposal shall be officially added to the agenda and meeting contents upon approval by the General Meeting of Shareholders.

Article 19. Quorum for Meetings of the General Meeting of Shareholders

1. A meeting of the General Meeting of Shareholders shall be validly convened when shareholders attending the meeting represent more than fifty percent (50%) of the total voting shares.

2. If the first meeting fails to satisfy the quorum requirement specified in Clause 1 of this Article, a notice convening a second meeting shall be sent within thirty (30) days from the intended date of the first meeting. The second meeting shall be validly convened when shareholders attending the meeting represent at least thirty-three percent (33%) of the total voting shares.

3. If the second meeting fails to satisfy the quorum requirement specified in Clause 2 of this Article, a notice convening a third meeting must be sent within twenty (20) days from the intended date of the second meeting. The third meeting shall be validly convened irrespective of the number of voting shares represented by attending shareholders.

4. The General Meeting of Shareholders may amend the meeting agenda enclosed with the notice of meeting in accordance with Article 142 of the Law on Enterprises.

Article 20. Procedures for conducting and voting at the meeting of the General Meeting of Shareholders

1. Before the opening of the meeting, the Company shall conduct shareholder registration procedures and shall continue registration until all attending shareholders entitled to participate have completed registration, in accordance with the following procedures:

a) Upon registration, the Company shall issue to each shareholder or authorized representative entitled to vote a voting card stating the registration number, the shareholder's name, the name of the authorized representative (if any), and the number of voting rights attached to such shareholder's shares. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each agenda item separately. Voting shall be conducted by means of votes "Approval", "Disapproval", or "Abstention". At the meeting, voting cards indicating approval shall be collected first, followed by voting cards indicating disapproval. The total number of votes "Approval" and "Disapproval" shall then be counted to determine the voting results. The vote-counting results shall be announced by the Chairperson immediately before the meeting closes. Upon the Chairperson's proposal, the General Meeting of Shareholders shall elect persons responsible for counting votes or supervising the counting thereof. The number of members of the vote-counting committee shall be determined by the General Meeting of Shareholders based on the Chairperson's proposal.

b) Shareholders, authorized representatives of institutional shareholders, or proxy holders arriving after the meeting has commenced shall be entitled to register immediately and, upon completion of registration, shall have the right to participate in and vote at the meeting. The Chairperson shall not be obliged to suspend the meeting to accommodate late registration, and the validity of resolutions already voted upon shall remain unaffected.

c) Detailed shareholder registration procedures shall be governed by this Charter, the Company's internal regulations and policies, applicable laws, and such procedures as may be determined by the person convening the meeting for each General Meeting of Shareholders.

2. Election of the Chairperson, Secretary, and Vote Counting Committee

a) The Chairperson of the Board of Directors shall act as Chairperson of the meeting or may authorize another member of the Board of Directors to do so for

meetings convened by the Board of Directors. If the Chairperson is absent or temporarily unable to perform his/her duties, the remaining members of the Board of Directors shall elect one of themselves to chair the meeting by majority vote. If no Chairperson can be elected, the Head of the Board of Supervisors shall preside over the election of the meeting Chairperson by the General Meeting of Shareholders from among the attendees, and the person receiving the most votes shall serve as Chairperson.

b) Except as provided in Point a above, the person signing the notice convening the General Meeting of Shareholders shall preside over the election of the meeting Chairperson, and the person receiving the highest number of votes shall serve as Chairperson.

c) The Chairperson shall appoint one or more persons to act as Secretary of the meeting.

d) The General Meeting of Shareholders shall elect one or more persons to serve on the vote-counting committee upon the proposal of the Chairperson.

3. The meeting agenda and contents must be approved by the General Meeting of Shareholders at the opening session. The agenda must clearly specify the time allocated to each agenda item.

4. The Chairperson shall have the authority to take reasonable and necessary measures to ensure that the meeting is conducted in an orderly manner, in accordance with the approved agenda, and reflective of the wishes of the majority of attendees, including:

a) Arranging seating at the meeting venue;

b) Ensuring the safety and security of all persons present at the meeting venue;

c) Facilitating shareholders' participation (or continued participation) in the meeting. The person convening the meeting shall have full authority to modify the foregoing measures and implement any other necessary measures, including issuing admission passes or applying other forms of access control.

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each agenda item separately. Voting shall be conducted by means of votes "Approval", "Disapproval", or "Abstention". The vote counting results shall be announced by the Chairperson before the meeting is adjourned.

6. A shareholder or proxy holder who arrives after the meeting has commenced may still register and exercise voting rights immediately upon

registration. In such a case, the validity of resolutions previously adopted shall remain unaffected.

7. The person convening the meeting or the Chairperson shall have the following rights:

a) To require all attendees to undergo security checks or other lawful and reasonable security measures;

b) To request competent authorities to maintain order at the meeting and to remove any person who fails to comply with the Chairperson's directions, intentionally disrupts the meeting, obstructs its orderly conduct, or refuses to comply with security requirements.

8. The Chairperson may adjourn a meeting for which a sufficient quorum has been established for a period not exceeding three (03) working days from the originally scheduled opening date and may only adjourn the meeting or change the venue in the following circumstances:

a) The meeting venue does not have adequate seating capacity for all attendees;

b) Communication facilities at the venue are insufficient to enable shareholders to participate, discuss, and vote;

c) Attendees engage in disruptive conduct that may prevent the meeting from being conducted fairly and lawfully.

9. If the Chairperson adjourns or suspends the meeting in violation of Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person from among the attendees to replace the Chairperson and preside over the meeting until its conclusion. All resolutions adopted at such a meeting shall remain valid and effective.

10. The person convening the General Meeting of Shareholders may determine whether the meeting shall be conducted in person, virtually, in a hybrid format, or by any other method appropriate to the prevailing circumstances and practical conditions. In case, the Company applies technological solutions to conduct virtual General Meetings of Shareholders, it shall ensure that shareholders may attend and vote by electronic voting or other electronic means in accordance with Article 144 of the Law on Enterprises and Clause 3, Article 273 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020.

Article 21. Approval of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

1. Resolutions on the following matters shall be adopted if approved by shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting

rights of all attending and voting shareholders, except as otherwise provided in Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Law on Enterprises:

- a) Classes of shares and the total number of shares of each class;
- b) Changes to business lines and business sectors;
- c) Changes to the Company's governance structure specified in Article 11 of this Charter;
- d) Investment projects or disposals of assets having a value equal to or greater than thirty-five percent (35%) of the Company's total assets as stated in the most recent financial statements;
- d) Reorganization or dissolution of the Company;
- e) Amendments and supplements to the Charter.

2. Except for the matters specified in Clause 1 of this Article and Clauses 3, 4, and 6 of Article 148 of the Law on Enterprises, Resolutions shall be adopted if approved by shareholders representing more than fifty percent (50%) of the total voting rights of all attending and voting shareholders.

3. The election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors shall be conducted by cumulative voting in accordance with Clause 3, Article 148 of the Law on Enterprises.

4. Resolutions of the General Meeting of Shareholders approved by shareholders representing one hundred percent (100%) of the total voting shares shall be lawful and effective even if the procedures for convening the meeting or adopting such resolutions do not fully comply with the Law on Enterprises or this Charter.

Article 22. Authority and procedures for obtaining written opinions of shareholders to approve Resolutions of the General Meeting of Shareholders

The authority and procedures for obtaining shareholders' written opinions for the adoption of resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be implemented as follows:

1. The Board of Directors shall have the right to obtain shareholders' written opinions to approve resolutions of the General Meeting of Shareholders whenever it deems such action necessary in the interests of the Company, except for the matters specified in Clause 2, Article 15 of this Charter.

2. The Board of Directors shall prepare voting forms, draft resolutions of the General Meeting of Shareholders, and explanatory documents relating to the draft

resolutions, and shall send them to all shareholders entitled to vote no later than ten (10) days prior to the deadline for returning the completed voting forms. The requirements and methods for sending voting forms and accompanying documents shall comply with Clause 3, Article 18 of this Charter.

3. A voting form for obtaining shareholders' written opinions shall contain the following principal particulars:

a) Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Purpose of obtaining shareholders' opinions;

c) Full name, contact address, nationality, and legal identification document number in respect of an individual shareholder; name, enterprise registration number or legal document number, and head office address in respect of an organizational shareholder; or full name, contact address, nationality, and legal identification document number in respect of the representative of an organizational shareholder; the number of shares of each class and the corresponding voting rights of the shareholder;

d) Matters submitted for approval;

đ) Voting options for each matter, including "Approval", "Disapproval", and "Abstention";

e) Deadline for returning the completed voting form to the Company;

g) Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors.

4. Shareholders may return completed voting forms to the Company by mail, facsimile, or electronic mail, subject to the following requirements:

a) Where submitted by mail, the completed voting form must bear the signature of the individual shareholder, the authorized representative, or the Legal Representative of the organizational shareholder. The voting form must be enclosed in a sealed envelope and may not be opened before the vote counting process;

b) Where submitted by facsimile or electronic mail, the voting form must be kept confidential until the vote counting process commences;

c) Voting forms received after the prescribed deadline, opened prior to vote counting in the case of mailed submissions, or disclosed prior to vote counting in the case of facsimile or electronic mail submissions shall be invalid. Voting forms not returned shall be deemed non-participating votes.

5. The Board of Directors shall conduct the vote count and prepare the vote-counting minutes under the supervision of the Board of Supervisors or a shareholder who does not hold a managerial position in the Company. The vote-counting minutes shall contain the following principal particulars:

a) Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Purpose of obtaining shareholders' opinions and matters submitted for approval;

c) Number of shareholders participating and the aggregate number of votes cast, including a breakdown of valid and invalid votes and the method by which votes were submitted, together with an appendix listing the participating shareholders;

d) Total number of votes cast "Approval", "Disapproval" and "Abstention" with respect to each matter;

d) Matters approved and the corresponding approval ratios;

e) Full names and signatures of the Chairperson of the Board of Directors, the vote counters, and the vote counting supervisors.

Members of the Board of Directors, vote counters, and vote-counting supervisors shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the vote-counting minutes and shall be jointly liable for any damage arising from resolutions adopted on the basis of dishonest or inaccurate vote counting.

6. The vote-counting minutes and the resolutions adopted shall be sent to shareholders within fifteen (15) days from the completion of the vote count. Such delivery may be replaced by publication on the Company's website within twenty-four (24) hours from the completion of the vote count.

7. Completed voting forms, vote-counting minutes, adopted resolutions, and all accompanying documents relating to the voting process shall be retained at the Company's head office.

8. A resolution adopted by way of written shareholders' opinions shall be validly passed if approved by shareholders representing more than fifty percent (50%) of the total voting rights of all shareholders entitled to vote and shall have the same validity and effect as a resolution adopted at a meeting of the General Meeting of Shareholders.

Article 23. Resolutions and minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders

1. All meetings of the General Meeting of Shareholders shall be recorded in minutes and may also be audio-recorded or otherwise recorded and stored in electronic form. The minutes shall be prepared in Vietnamese and may additionally be prepared in a foreign language. The minutes shall contain the following principal particulars:

a) Name, head office address, and enterprise registration number of the Company;

b) Time and venue of the meeting of the General Meeting of Shareholders;

c) Meeting agenda and contents;

d) Full names of the Chairperson and Secretary of the meeting;

đ) Summary of the proceedings and opinions expressed by shareholders with respect to each agenda item;

e) Number of attending shareholders and the aggregate number of voting rights represented at the meeting, together with the appendix listing attending shareholders and shareholder representatives and their corresponding shareholdings and voting rights;

g) Total votes cast in respect of each voting matter, specifying the voting method used, the total number of valid votes, invalid votes, votes "Approval", votes "Disapproval", and "Abstention", together with the corresponding percentages of the total voting rights represented at the meeting;

h) Matters approved and the corresponding approval ratios;

i) Full names and signatures of the Chairperson and Secretary. If the Chairperson or Secretary refuses to sign the minutes, the minutes shall nevertheless remain valid if signed by all other members of the Board of Directors attending the meeting and containing all information required under this Clause. The minutes must clearly record the refusal of the Chairperson and/or Secretary to sign.

2. The minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and approved before the meeting closes. The Chairperson, the Secretary, and any other person signing the minutes shall be jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the contents thereof.

3. The Vietnamese version and any foreign-language version of the minutes shall have equal legal validity. In the event of any discrepancy between the

Vietnamese version and the foreign-language version, the Vietnamese version shall prevail.

4. Resolutions and minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders, appendices containing lists of registered attending shareholders bearing shareholders' signatures, powers of attorney for attendance, all documents attached to the minutes (if any), and meeting materials enclosed with the notice of meeting must be disclosed in accordance with laws governing information disclosure in the securities market and retained at the Company's head office.

Article 24. Request for annulment of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

Within ninety (90) days from the date of receipt of a resolution or meeting minutes of the General Meeting of Shareholders, or the vote-counting minutes relating to a written shareholders' resolution, a shareholder or group of shareholders specified in Clause 2, Article 115 of the Law on Enterprises may request a competent Court or Arbitration Tribunal to review and annul a resolution, or part thereof, of the General Meeting of Shareholders in any of the following circumstances:

1. The procedures for convening the meeting or adopting resolutions of the General Meeting of Shareholders materially violate the provisions of the Law on Enterprises and the Company's Charter, except for the case specified in Clause 4, Article 21 of this Charter.

2. The contents of the resolution violate applicable laws or this Charter.

VII. BOARD OF DIRECTORS

Article 25. Nomination and candidacy for members of the Board of Directors

1. Where candidates for the Board of Directors have been identified, the Company shall disclose information relating to such candidates on the Company's website at least ten (10) days prior to the opening date of the General Meeting of Shareholders so that shareholders may review the candidates before voting. Candidates for membership of the Board of Directors must provide a written undertaking regarding the truthfulness and accuracy of the disclosed personal information and must undertake to perform their duties honestly, prudently, and in the best interests of the Company if elected as members of the Board of Directors. Information relating to candidates for the Board of Directors shall include:

- a) Full name and date of birth;
- b) Professional qualifications;
- c) Employment history and work experience;
- d) Other managerial positions held (including member of the Board of Directors of other companies);
- đ) Interests related to the Company and the Company's related persons;
- e) The Company shall disclose information on companies in which the candidate currently serves as a member of the board of directors, holds other managerial positions, or has interests related to such companies (if any).

2. A shareholder or group of shareholders holding ten percent (10%) or more of the total ordinary shares shall have the right to nominate candidates for the Board of Directors in accordance with the Law on Enterprises and this Charter.

A shareholder or group of shareholders holding from ten percent (10%) to less than twenty percent (20%) of the total voting shares may nominate one (01) candidate; from twenty percent (20%) to less than thirty-five percent (35%) may nominate up to two (02) candidates; from thirty-five percent (35%) to less than fifty percent (50%) may nominate up to three (03) candidates; from fifty percent (50%) to less than sixty-five percent (65%) may nominate up to four (04) candidates; and shareholders holding sixty-five percent (65%) or more may nominate a sufficient number of candidates corresponding to the number of positions to be filled.

3. If the number of candidates nominated and self-nominated remains insufficient as prescribed in Clause 5, Article 115 of the Law on Enterprises, the incumbent Board of Directors may introduce additional candidates or organize further nominations in accordance with this Charter, the Internal Regulations on Corporate Governance, and the Regulations on Operation of the Board of Directors. Any additional candidates introduced by the incumbent Board of Directors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes on the election of members of the Board of Directors in accordance with applicable laws.

4. Members of the Board of Directors must satisfy the standards and conditions prescribed in Clauses 1 and 2, Article 155 of the Law on Enterprises, the Company's internal regulations and policies, and applicable laws.

Article 26. Composition and term of office of members of the Board of Directors

1. The Board of Directors shall consist of five (05) members

2. The term of office of a member of the Board of Directors shall not exceed five (05) years and members may be re-elected for an unlimited number of terms. An individual may serve as an Independent Member of the Board of Directors of a company for no more than two (02) consecutive terms. Where all members of the Board of Directors simultaneously expire their terms of office, such members shall continue to serve until new members are elected and assume their duties.

3. The composition of the Board of Directors shall be structured as follows:

The Board of Directors must include at least one (01) non-executive member and at least one (01) independent member. The Company shall minimize the number of Board of Directors members concurrently holding executive positions within the Company to ensure the independence of the Board of Directors.

4. A member of the Board of Directors shall cease to hold office upon dismissal, removal, or replacement by the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 160 of the Law on Enterprises.

5. An Independent Member of the Board of Directors must notify the Board of Directors if no longer satisfies the standards and conditions for independence prescribed by Clause 2, Article 155 Law on Enterprise and shall automatically cease to be an Independent Member of the Board of Directors from the date on which such standards and conditions are no longer met. The Board of Directors must report such circumstances at the nearest General Meeting of Shareholders or convene a General Meeting of Shareholders to elect an additional or replacement Independent Member within six (06) months from the date of receipt of the relevant notification.

6. The appointment of members of the Board of Directors shall be disclosed in accordance with laws governing information disclosure in the securities market.

7. Members of the Board of Directors are not required to be shareholders of the Company.

Article 27. Rights and duties of the Board of Directors

1. The Board of Directors is the management body of the Company and shall have full authority, on behalf of the Company, to decide upon and exercise the rights and perform the obligations of the Company, except for matters falling within the authority of the General Meeting of Shareholders.

2. The rights and duties of the Board of Directors shall be prescribed by law, this Charter, and resolutions of the General Meeting of Shareholders. In particular, the Board of Directors shall have the following rights and duties:

a) To decide on the Company's strategy, medium-term development plans, and annual business plans;

b) To recommend the classes of shares and the total number of shares of each class authorized for offering;

c) To decide on the sale of unsold shares within the number of shares authorized for offering of each class and to decide on raising additional capital through other means;

d) To determine the selling price of shares and bonds of the Company;

đ) To decide on the repurchase of shares in accordance with Clauses 1 and 2, Article 133 of the Law on Enterprises;

e) To decide on investment plans and investment projects within its authority and in compliance with applicable laws;

g) To decide on market development, marketing, and technology strategies;

h) To approve contracts for purchase, sale, borrowing, lending, and other contracts and transactions having a value equal to or greater than thirty-five percent (35%) of the total assets of the Company as stated in the most recent financial statements, except where the Charter provides for a different ratio or value threshold and contracts, transactions falling within the authority of the General Meeting of Shareholders pursuant to Point d, Clause 2, Article 138 and Clauses 1 and 3, Article 167 of the Law on Enterprises;

i) To decide on investments included in an approved investment portfolio, provided that the total investment budget does not exceed one hundred and ten percent (110%) of the annual investment plan approved by the General Meeting of Shareholders. Any investment decision must ensure investment efficiency and shall be reported to the General Meeting of Shareholders at its nearest meeting where the approved annual investment plan is exceeded by more than ten percent (10%);

k) To elect, dismiss, and remove the Chairperson of the Board of Directors; to appoint, dismiss, enter into, and terminate employment contracts with the General Director and other key managers as prescribed by this Charter; to determine their salaries, remuneration, bonuses, and other benefits; to appoint authorized representatives to participate in Members' Councils or General Meetings of Shareholders of other companies; and to determine the remuneration and other benefits of such representatives;

l) To supervise and direct the General Director and other managers in the conduct of the Company's day-to-day business operations;

m) To decide on the Company's organizational structure and internal management regulations; to decide on the establishment of subsidiaries, branches, representative offices; and on capital contributions to or acquisition of shares in other enterprises;

n) To approve agenda and documents for meetings of the General Meeting of Shareholders and to convene meetings or obtain shareholders' written opinions for the adoption of resolutions of the General Meeting of Shareholders;

o) To submit audited annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;

p) To recommend dividend rates and decide on the timing and procedures for dividend payment or the treatment of business losses;

q) To recommend the reorganization or dissolution of the Company and to petition for the Company's bankruptcy;

r) To promulgate the Regulations on Operation of the Board of Directors and the Internal Regulations on Corporate Governance after approval by the General Meeting of Shareholders, and to promulgate the Company's Information Disclosure Regulations;

s) Other rights and duties as prescribed by the Law on Enterprises, the Law on Securities, other applicable laws, and this Charter.

3. Each Independent Member of the Board of Directors of a listed company shall prepare a report evaluating the performance of the Board of Directors.

4. The Board of Directors shall report to the General Meeting of Shareholders on its performance in accordance with Article 280 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020 of the Government providing detailed guidance for the implementation of a number of articles of the Law on Securities and Clause 82, Article 1 of Decree No. 245/2025/ND-CP dated 11/9/2025 amending certain provisions of Decree No. 155/2020/ND-CP. The Board of Directors shall also report to the General Meeting of Shareholders on the remuneration of the Board of Directors and each member thereof in accordance with Article 28 of this Charter.

Article 28. Remuneration, bonuses and other benefits of Members of the Board of Directors

1. The Company may pay remuneration and bonuses to members of the Board of Directors based on business performance and operating efficiency.

2. Members of the Board of Directors shall be entitled to remuneration and bonuses. Remuneration shall be calculated based on the number of working days

reasonably required for the performance of a member's duties and the remuneration rate applicable per working day. The Board of Directors shall determine the remuneration of each member by consensus. The aggregate remuneration and bonuses payable to the Board of Directors shall be decided by the General Meeting of Shareholders at its annual meeting.

3. The remuneration of each member of the Board of Directors shall be recorded as an operating expense of the Company in accordance with regulations on corporate income tax, separately disclosed in the annual financial statements of the Company, and reported to the General Meeting of Shareholders at its annual meeting.

4. A member of the Board of Directors who concurrently holds an executive position or who serves on committees of the Board of Directors, or performs duties beyond the ordinary scope of responsibilities of a member of the Board of Directors, may receive additional remuneration in the form of a lump-sum payment, salary, commission, profit-sharing percentage, or other forms as determined by the Board of Directors.

5. Members of the Board of Directors shall be entitled to reimbursement of all travel, accommodation, meal expenses, and other reasonable expenses actually incurred in the performance of their duties as members of the Board of Directors, including expenses incurred in attending meetings of the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, or committees of the Board of Directors.

6. Members of the Board of Directors may be covered by directors' and officers' liability insurance purchased by the Company, subject to the approval of the General Meeting of Shareholders. Such insurance shall not cover liabilities arising from violations of law or of this Charter.

Article 29. Chairperson of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected, dismissed, or removed by the Board of Directors from among its members.

2. The Chairperson of the Board of Directors shall not concurrently hold the position of General Director.

3. The Chairperson of the Board of Directors shall have the following rights and duties:

a) To formulate the programs and plans for the activities of the Board of Directors;

b) To prepare agendas, meeting contents, and documents; to convene, preside over, and chair meetings of the Board of Directors;

c) To organize the adoption of resolutions and decisions of the Board of Directors;

d) To supervise the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

đ) To chair meetings of the General Meeting of Shareholders;

e) Other rights and duties as prescribed by this Charter, the Company's internal regulations and policies, and applicable laws.

4. In the event that the Chairperson of the Board of Directors resigns or is dismissed or removed, the Board of Directors shall elect a replacement within ten (10) working days from the date of receipt of the resignation or the effective date of such dismissal or removal.

5. If the Chairperson of the Board of Directors is absent or unable to perform his/her duties, he/she must authorize another member of the Board of Directors in writing to exercise the rights and perform the duties of the Chairperson. If no authorization is granted, or if the Chairperson dies, is declared missing, is held in temporary detention, is serving a prison sentence, is undergoing compulsory rehabilitation or compulsory educational measures, absconds from his/her place of residence, has limited or lost legal capacity, experiences difficulties in cognition or behavioral control, or is prohibited by a court from holding office, practicing a profession, or performing certain work, the remaining members of the Board of Directors shall elect one of their members as Chairperson by majority vote until a new decision is made by the Board of Directors.

Article 30. Meetings of the Board of Directors

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected at the first meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from the completion of the election of that Board of Directors. Such a meeting shall be convened and chaired by the member receiving the highest number of votes or the highest voting percentage. If two or more members receive an equal highest number of votes or voting percentage, the members shall elect one (01) among them by majority vote to convene the meeting of the Board of Directors.

2. The Board of Directors shall meet at least once every quarter and may hold extraordinary meetings. Meetings of the Board of Directors may be conducted in person, virtually, in a hybrid format combining in-person and virtual participation, and/or by other means as decided by the Chairperson of the Board of Directors or the person convening the meeting in accordance with applicable laws.

3. The Chairperson of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following circumstances:

- a) Upon request of the Board of Supervisors or an Independent Member of the Board of Directors;
- b) Upon request of the General Director or at least five (05) other managers;
- c) Upon request of at least two (02) members of the Board of Directors.

4. Any request specified in Clause 3 of this Article must be made in writing and shall state the purpose of the meeting, the matters to be discussed, and decisions proposed for consideration within the authority of the Board of Directors.

5. The Chairperson of the Board of Directors must convene a meeting of the Board of Directors within seven (07) working days from receipt of a request specified in Clause 3 of this Article. If the Chairperson fails to convene such a meeting, he/she shall be liable for any loss suffered by the Company as a result thereof, and the requesting persons shall have the right to convene the meeting in place of the Chairperson.

6. Meetings of the Board of Directors shall be recorded in minutes and may also be audio-recorded or otherwise recorded and stored in electronic form. The minutes shall contain the contents prescribed in Article 158 of the Law on Enterprises. Where the Chairperson of the meeting or the minute-taker refuses to sign the minutes, the minutes shall nevertheless remain valid if signed and approved by all other attending members of the Board of Directors and contain all information required under Points a, b, c, d, đ, e, g, and h, Clause 1, Article 158 of the Law on Enterprises. The minutes must clearly state the refusal of the chairperson and/or the recorder to sign the minutes. The persons signing the minutes shall be jointly liable for the accuracy and truthfulness of the contents of the minutes of the Board of Directors meeting. The chairperson and the recorder shall be personally liable for any damage caused to the Company as a result of their refusal to sign the minutes in accordance with the Law on Enterprises, the Charter and applicable laws.

7. The Chairperson of the Board of Directors or the person convening the meeting shall send a notice of meeting no later than three (03) working days prior to the meeting date. The notice shall clearly specify the time and venue of the meeting, the agenda, and the matters to be discussed and decided upon. The notice shall be accompanied by relevant meeting documents and voting forms.

Notice of a Board of Directors meeting may be sent by invitation letter, telephone, facsimile, electronic means, or other methods prescribed in this

Charter, provided that delivery is ensured to the registered contact address of each member of the Board of Directors.

8. The Chairperson of the Board of Directors or the convening person shall send notices of meeting and accompanying documents to members of the Board of Supervisors in the same manner as for members of the Board of Directors.

Members of the Board of Supervisors shall have the right to attend meetings of the Board of Directors and participate in discussions, but shall not have voting rights.

9. A meeting of the Board of Directors shall be validly convened when attended by at least three-fourths (3/4) of the total number of members.

If the first meeting fails to satisfy the quorum requirement, a second meeting may be convened within seven (07) days from the intended date of the first meeting. The second meeting shall be validly convened if attended by more than one-half (1/2) of the total number of members of the Board of Directors.

10. A member of the Board of Directors shall be deemed to attend and vote at a meeting if a member:

- a) Attends and votes in person at the meeting;
- b) Authorizes another person to attend and vote on behalf in accordance with Clause 12 of this Article;
- c) Participates and votes through an online conference, electronic voting system, or other electronic means;
- d) Sends vote to the meeting by mail, facsimile, or electronic mail;
- e) Participates by other means and methods as determined by the Chairperson of the Board of Directors or the person convening the meeting in accordance with applicable laws.

11. Where votes are sent by mail, voting forms must be enclosed in sealed envelopes and delivered to the Chairperson of the Board of Directors no later than one (01) hour before the meeting opens. Such voting forms shall only be opened in the presence of all attendees.

12. Members of the Board of Directors must attend all meetings of the Board. A member may authorize another person to attend and vote on behalf if approved by a majority of the members of the Board of Directors.

13. Resolutions and decisions of the Board of Directors shall be adopted if approved by a majority of attending members; in the event of a tie, the final decision shall follow the vote of the Chairperson of the Board of Directors.

14. Voting

a) Except as provided in Point b of this Clause, each member of the Board of Directors, or a person duly authorized pursuant to Clause 12 of this Article and attending the meeting in person, shall have one (01) vote;

b) A member of the Board of Directors shall not vote on any contract, transaction, or proposal in which such member or his/her related person has an interest that conflicts, or may conflict, with the interests of the Company. Such a member shall not be counted toward the quorum required for meetings considering matters in respect of which he/she is not entitled to vote;

c) Subject to Point d of this Clause, where an issue arises at a meeting concerning the interests or voting rights of a member of the Board of Directors and such member does not voluntarily abstain from voting, the ruling of the Chairperson shall be final unless the nature or extent of the relevant interest has not been fully disclosed;

d) A member of the Board of Directors benefiting from a contract referred to in Points a and b, Clause 6, Article 42 of this Charter shall be deemed to have a material interest in such contract.

15. A written resolution shall be adopted based on the approval of a majority of the members of the Board of Directors entitled to vote. Such resolution shall have the same validity and effect as a resolution adopted at a meeting of the Board of Directors. A resolution may also be adopted by executing multiple counterparts of the same document, provided that each counterpart bears at least one signature of a member of the Board of Directors.

16. The Chairperson of the Board of Directors shall be responsible for sending the minutes of Board of Directors meetings to all members. Such minutes shall constitute conclusive evidence of the matters conducted at the meeting unless objections to the contents thereof are raised within ten (10) days from the date of dispatch. The minutes shall be prepared in Vietnamese and may additionally be prepared in a foreign language. The minutes must be signed by the Chairperson of the meeting and the minute-taker.

Article 31. Committees/boards/departments under the Board of Directors

1. The Board of Directors may establish committees, boards, or departments responsible for development policies, human resources, remuneration, internal audit, and risk management. The number of members of each committee, board, or department shall be determined by the Board of Directors, provided that each such body shall comprise at least two (02) members. The operations of such committees, boards, or departments shall be governed by regulations adopted by

the Board of Directors. A resolution of any committee, board, or department shall be valid only if approved by a majority of the members attending and voting at the relevant meeting.

2. The implementation of the resolutions and decisions of the Board of Directors or of any committee, board, or department established under the Board of Directors must comply with applicable laws, this Charter, and the Company's Internal Regulations on Corporate Governance.

Article 32. Person in charge of corporate governance

1. The Board of Directors shall appoint at least one (01) Corporate Governance Officer to assist the Company in its corporate governance activities. The Corporate Governance Officer may concurrently serve as the Company Secretary in accordance with Clause 5, Article 156 of the Law on Enterprises.

2. Person in charge of corporate governance must satisfy the following qualifications and conditions:

a) Possess knowledge of applicable laws and regulations;

b) Not concurrently work for an approved audit firm that is conducting the audit of the Company's financial statements;

c) Satisfy such other qualifications and conditions as may be prescribed by applicable laws, this Charter, and resolutions of the Board of Directors.

3. Person in charge of corporate governance officer shall have the following rights and duties:

a) To advise the Board of Directors on the organization of meetings of the General Meeting of Shareholders in accordance with applicable regulations and on matters concerning the relationship between the Company and its shareholders;

b) To prepare meetings of the Board of Directors, the Board of Supervisors, and the General Meeting of Shareholders at the request of the Board of Directors or the Board of Supervisors;

c) To advise on meeting procedures;

d) To attend meetings;

đ) To advise on procedures for preparing resolutions of the Board of Directors in compliance with applicable laws;

e) To provide financial information, copies of minutes of meetings of the Board of Directors, and other information to members of the Board of Directors and members of the Board of Supervisors;

g) To monitor and report to the Board of Directors on the Company's information disclosure activities;

h) To act as the principal liaison officer with stakeholders and other relevant parties;

i) To maintain confidentiality of information in accordance with applicable laws and this Charter;

k) To perform such other rights and duties as may be prescribed by this Charter, the Company's internal regulations and policies, and applicable laws.

VIII. GENERAL DIRECTOR AND OTHER EXECUTIVES

Article 33. Management structure

The Company's management structure shall ensure that the management apparatus is accountable to, and subject to the supervision and direction of, the Board of Directors in the conduct of the Company's day-to-day business operations. The Company shall have one (01) General Director, Deputy General Directors, a Chief Accountant/Person in Charge of Accounting, and other managerial positions appointed by the Board of Directors. The appointment, dismissal, removal, or discharge of the foregoing positions must be approved by resolutions or decisions of the Board of Directors.

Article 34. Executives of the Company

1. The executives of the Company shall include the General Director, Deputy General Directors, and the Chief Accountant/Person in Charge of Accounting.

2. Upon the recommendation of the General Director and with the approval of the Board of Directors, the Company may recruit additional executives in such number and with such qualifications as are appropriate to the Company's organizational structure and management regulations prescribed by the Board of Directors. The Company's executives shall be responsible for assisting the Company in achieving its operational and organizational objectives.

3. The General Director shall be entitled to a salary and bonuses. The salary and bonuses of the General Director shall be determined by the Board of Directors.

4. The remuneration of executives shall be recorded as operating expenses of the Company in accordance with regulations on corporate income tax, separately disclosed in the annual financial statements of the Company and reported to the General Meeting of Shareholders at its annual meeting.

Article 35. Appointment, dismissal, rights, and duties of the General Director

1. The Board of Directors shall appoint one (01) member of the Board of Directors or engage another individual to serve as the General Director.

2. The General Director shall be responsible for the day-to-day management and operation of the Company's business activities; shall be subject to the supervision of the Board of Directors; and shall be accountable to the Board of Directors and to law for the exercise of his/her rights and the performance of their duties.

3. The term of office of the General Director shall not exceed five (05) years and may be reappointed for an unlimited number of terms. The General Director must satisfy all qualifications and conditions prescribed by applicable laws and this Charter.

4. The General Director shall have the following rights and duties:

a) To decide matters relating to the Company's day-to-day business operations that do not fall within the authority of the Board of Directors;

b) To organize the implementation of resolutions and decisions of the Board of Directors;

c) To organize the implementation of the Company's business plans and investment plans;

d) To propose the Company's organizational structure and internal management regulations;

đ) To appoint, dismiss, and remove managerial personnel of the Company, except for positions falling within the authority of the Board of Directors;

e) To determine salaries and other benefits of employees of the Company, including managers appointed by the General Director;

g) To recruit employees;

h) To propose dividend distribution plans or measures for handling business losses;

i) To exercise such other rights and perform such other duties as prescribed by applicable laws, this Charter, and resolutions and decisions of the Board of Directors.

5. The Board of Directors may dismiss the General Director upon approval by a majority of the voting members of the Board of Directors attending the meeting and may appoint a replacement General Director.

6. The General Director must satisfy the following qualifications and conditions:

a) Not fall within the categories of persons prohibited from managing enterprises as prescribed in Clause 2, Article 17 of the Law on Enterprises;

b) Not be a family-related person of any manager of the Company, any member of the Board of Supervisors of the Company or its parent company, any representative of State capital, or any representative of enterprise capital in the Company or its parent company;

c) Possess professional qualifications and experience in corporate management.

IX. BOARD OF SUPERVISORS

Article 36. Nomination and candidacy for member of the Board of Supervisors

1. The nomination and self-nomination of candidates for members of the Board of Supervisors shall be conducted in accordance with Clauses 1 and 2 of Article 25 of this Charter.

Shareholders holding ordinary shares shall have the right to aggregate their voting rights for the purpose of nominating candidates to the Board of Supervisors. A shareholder or group of shareholders holding from ten percent (10%) to less than twenty percent (20%) of the total voting shares may nominate one (01) candidate; from twenty percent (20%) to less than fifty percent (50%) may nominate up to two (02) candidates; and shareholders holding fifty percent (50%) or more may nominate a sufficient number of candidates corresponding to the number of positions to be filled.

2. If the number of candidates for the Board of Supervisors nominated and self-nominated remains insufficient, the incumbent Board of Supervisors may nominate additional candidates or organize nominations in accordance with applicable laws, the Internal Regulations on Corporate Governance, and the Regulations on Operation of the Board of Supervisors. Any additional candidates introduced by the incumbent Board of Supervisors must be clearly disclosed before the General Meeting of Shareholders votes on the election of members of the Board of Supervisors in accordance with applicable laws.

Article 37. Composition of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors shall consist of three (03) members. The term of office of a member of the Board of Supervisors shall not exceed five (05) years, and members may be re-elected for an unlimited number of terms.

2. Members of the Board of Supervisors must satisfy the qualifications and conditions prescribed in Article 169 of the Law on Enterprises and must not fall within any of the following cases:

a) Working in the accounting or finance department of the Company;

b) Being a member or employee of an independent auditing firm that has audited the Company's financial statements during the preceding three (03) consecutive years.

3. A member of the Board of Supervisors shall be dismissed in the following circumstances:

a) No longer satisfying the qualifications and conditions for membership of the Board of Supervisors as prescribed in Clause 2 of this Article;

b) Submitting a resignation and such resignation being accepted;

c) Other cases prescribed by applicable laws and this Charter.

4. A member of the Board of Supervisors may be removed from office in the following circumstances:

a) Failure to perform assigned duties and responsibilities;

b) Failure to exercise his/her rights and perform his/her duties for six (06) consecutive months, except in cases of force majeure;

c) Repeated or serious breaches of the obligations of a member of the Board of Supervisors as prescribed by the Law on Enterprises and this Charter;

d) Other cases as resolved by the General Meeting of Shareholders.

Article 38. Head of the Board of Supervisors

1. The Head of the Board of Supervisors shall be elected by the Board of Supervisors from among its members based on a majority vote. The election, dismissal, and removal of the Head of the Board of Supervisors shall also be decided by majority vote. More than one-half of the members of the Board of Supervisors must reside in Vietnam. The Head of the Board of Supervisors must hold at least a bachelor's degree in economics, finance, accounting, auditing, law, business administration, or another discipline relevant to the Company's business activities.

2. The Head of the Board of Supervisors shall have the following rights and duties:

a) To convene meetings of the Board of Supervisors;

10/10
CC
CC
IV
IQ
/P

b) To request the Board of Directors, the General Director, and other executives to provide relevant information for reporting to the Board of Supervisors;

c) To prepare and sign reports of the Board of Supervisors, after consulting with the Board of Directors, for submission to the General Meeting of Shareholders.

Article 39. Rights and Duties of the Board of Supervisors

The Board of Supervisors shall have the powers and duties prescribed in Article 170 of the Law on Enterprises and the following rights and duties:

1. To propose and recommend that the General Meeting of Shareholders approve the list of approved auditing firms eligible to audit the Company's financial statements; to select the approved auditing firm to examine the Company's operations; and to dismiss an approved auditor when deemed necessary.

2. To be accountable to shareholders for its supervisory activities.

3. To supervise the Company's financial condition and the compliance with laws by members of the Board of Directors, the General Director, and other managers in the performance of their duties.

4. To ensure coordination with the Board of Directors, the General Director, and shareholders.

5. If a violation of law or of this Charter by a member of the Board of Directors, the General Director, or another executive is discovered, the Board of Supervisors must notify the Board of Directors in writing within forty-eight (48) hours, require the violating person to cease the violation, and request remedial measures.

6. To formulate the Regulations on Operation of the Board of Supervisors and submit them to the General Meeting of Shareholders for approval.

7. To report to the General Meeting of Shareholders in accordance with Article 290 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated 31/12/2020, providing guidance on the implementation of certain provisions of the Law on Securities.

8. To have access to records and documents maintained at the Company's head office, branches, and other locations, and to visit the workplaces of the Company's managers and employees during working hours.

9. To require the Board of Directors, members of the Board of Directors, the General Director, and other managers to provide complete, accurate, and timely

40
GT
HÀ
ANC
B
5

information and documents relating to the management, administration, and business operations of the Company.

10. Other powers and duties as prescribed by applicable laws.

Article 40. Meetings of the Board of Supervisors

1. The Board of Supervisors must hold meetings at least twice (02 times) per year, with the attendance of at least two-thirds (2/3) of its members. Minutes of Board of Supervisors meetings must be prepared in a clear, detailed manner. The minute-taker and all members of the Board of Supervisors attending the meeting must sign the minutes. Minutes of meetings of the Board of Supervisors shall be retained to determine the responsibilities of each member of the Board of Supervisors.

2. The Board of Supervisors shall have the right to request members of the Board of Directors, the General Director, and representatives of approved auditing firms to attend meetings and provide explanations regarding matters requiring clarification.

Article 41. Salary, remuneration, bonuses and other benefits of members of the Board of Supervisors

The salary, remuneration, bonuses, and other benefits of members of the Board of Supervisors shall be determined as follows:

1. Members of the Board of Supervisors shall be entitled to salary, remuneration, bonuses, and other benefits as decided by the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall determine the aggregate salary, remuneration, bonuses, other benefits, and annual operating budget of the Board of Supervisors.

2. Members of the Board of Supervisors shall be reimbursed for accommodation, meals, travel, and reasonable costs incurred for the use of independent advisory services. The aggregate amount of such remuneration and expenses shall not exceed the annual operating budget of the Board of Supervisors approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders.

3. The salaries and operating expenses of the Board of Supervisors shall be recorded as operating expenses of the Company in accordance with regulations on corporate income tax and other applicable laws, and shall be separately disclosed in the Company's annual financial statements.

X. RESPONSIBILITIES OF MEMBERS OF THE BOARD OF DIRECTORS, MEMBERS OF THE BOARD OF SUPERVISORS, THE GENERAL DIRECTOR, AND OTHER EXECUTIVES

Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives shall perform their duties, including duties performed in their capacity as members of committees/subcommittees of the Board of Directors, honestly, prudently, and in the best interests of the Company

Article 42. Duty of loyalty and avoidance of conflicts of interest

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers shall disclose their related interests in accordance with the Law on Enterprises and other relevant legal regulations.

2. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and their related persons may only use information obtained by virtue of their positions for the benefit of the Company.

3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other managers shall notify the Board of Directors and the Board of Supervisors in writing of transactions between the Company, its subsidiaries, or other companies in which the Company holds more than fifty percent (50%) of the charter capital, and such persons or their related persons, in accordance with applicable laws. For transactions requiring approval by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors, the Company shall disclose information regarding the relevant resolutions in accordance with securities laws on information disclosure.

4. A member of the Board of Directors shall not vote on any transaction that provides benefits to such member or his/her related persons in accordance with the Law on Enterprises.

5. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other managers, and their related persons shall not use or disclose insider information to others for the purpose of conducting related transactions.

6. Transactions between the Company and one or more members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives, or organizations and individuals related to such persons shall not be rendered invalid in the following cases:

a) For transactions with a value equal to or less than twenty percent (20%) of the total assets recorded in the most recent financial statements, the material terms of the contract or transaction, together with the relationships and interests of the relevant member of the Board of Directors, member of the Board of Supervisors, General Director, or other executive, have been reported to the Board of Directors and approved by a majority of the disinterested members of the Board of Directors;

b) For transactions with a value exceeding twenty percent (20%) of the total assets recorded in the most recent financial statements, or transactions resulting in an aggregate transaction value within twelve (12) months from the date of the first transaction equal to or exceeding twenty percent (20%) of such total assets, the material terms of the transaction, together with the relationships and interests of the relevant member of the Board of Directors, member of the Board of Supervisors, General Director, or other executive, have been disclosed to shareholders and approved by the General Meeting of Shareholders through the votes of shareholders having no related interests.

Article 43. Liability for damages and indemnification

1. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives who breach their duties of loyalty and prudence or fail to properly perform their obligations shall be liable for any damages caused by such breaches and shall jointly compensate for lost benefits, return any benefits improperly received, and indemnify the Company and third parties for all resulting losses and damages.

2. The Company shall indemnify persons who have been, are, or may become parties to claims, lawsuits, or legal proceedings (including civil and administrative proceedings, but excluding proceedings initiated by the Company as plaintiff), provided that such persons are or were members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, other executives, employees, or authorized representatives of the Company acting within the scope of their authority, have acted honestly and prudently in the interests of the Company, complied with applicable laws, and there is no evidence establishing that they have breached their duties.

3. Indemnifiable expenses shall include judgments, fines, amounts payable in settlement, and actual expenses incurred (including legal fees) in connection with such matters to the extent permitted by law. The Company may purchase insurance for such persons against the liabilities described above.



XI. RIGHT TO INSPECT BOOKS AND RECORDS OF THE COMPANY

Article 44. Right to inspect books and records

1. Ordinary shareholders shall have the right to inspect books and records as follows:

a) Ordinary shareholders shall have the right to examine, inspect, and extract information relating to the names and contact addresses of shareholders in the list of voting shareholders; request correction of inaccurate information relating to themselves; and examine, inspect, extract, or obtain copies of the Company's Charter, minutes of General Meeting of Shareholders meetings, and resolutions of the General Meeting of Shareholders;

b) Shareholders or groups of shareholders holding five percent (05%) or more of the total ordinary shares shall have the right to examine, inspect, and extract minutes books, resolutions and decisions of the Board of Directors, semi-annual and annual financial statements, reports of the Board of Supervisors, contracts and transactions requiring approval by the Board of Directors, and other documents, except for documents relating to the Company's trade secrets or business secrets.

2. Where an authorized representative of a shareholder or shareholder group requests access to books and records, such request must be accompanied by the relevant power of attorney or a notarized copy thereof.

3. Members of the Board of Directors, members of the Board of Supervisors, the General Director, and other executives shall have the right to inspect the Company's register of shareholders, shareholder lists, books, and other records for purposes relating to their positions, provided that such information is kept confidential.

4. The Company shall retain this Charter and all amendments thereto, the Enterprise Registration Certificate, internal regulations, documents evidencing ownership of assets, resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, minutes of meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors, reports of the Board of Directors, reports of the Board of Supervisors, annual financial statements, accounting books, and other documents required by law at its head office or another location, provided that shareholders and the Business Registration Authority are informed of such storage location.

5. The Charter shall be published on the Company's website.

XII. EMPLOYEES AND TRADE UNIONS

Article 45. Employees and trade union

1. The General Director shall prepare plans for submission to the Board of Directors for approval regarding recruitment, termination of employment, salaries, social insurance, employee welfare, rewards, and disciplinary measures applicable to employees and executives of the Company.

2. The General Director shall prepare plans for submission to the Board of Directors for approval regarding the Company's relationship with trade union organizations, in accordance with best management standards, practices, and policies, the provisions of this Charter, the Company's internal regulations, and applicable laws.

XIII. PROFIT DISTRIBUTION

Article 46. Profit distribution

1. The General Meeting of Shareholders shall determine the annual dividend rate and the form of dividend payment from the Company's retained earnings.

2. The Company shall not pay interest on dividends or any other amounts payable in relation to any class of shares.

3. The Board of Directors may recommend that the General Meeting of Shareholders approve the payment of all or part of dividends in shares, and the Board of Directors shall be responsible for implementing such a decision.

4. Where dividends or other amounts relating to a class of shares are paid in cash, payment shall be made in Vietnamese Dong. Such payments may be made directly or through banks based on the bank account details provided by shareholders. Where the Company has transferred payment in accordance with the bank account details provided by a shareholder and such shareholder does not receive the payment, the Company shall not be liable for the amount so transferred. Dividend payments in respect of shares listed or registered for trading on a Stock Exchange may be made through securities companies or the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC).

5. Pursuant to the Law on Enterprises and the Law on Securities, the Board of Directors shall adopt a resolution or decision determining a specific record date. Based on such record date, persons registered as shareholders or holders of other securities shall be entitled to receive cash dividends, share dividends, notices, or other documents.

6. Other matters relating to profit distribution shall be implemented in accordance with applicable laws.

107
TY
HAP
ANG
BA
01

XIV. BANK ACCOUNTS, FISCAL YEAR, AND ACCOUNTING SYSTEM

Article 47. Bank accounts

1. The Company shall open bank accounts with banks established in Vietnam or branches of foreign banks lawfully operating in Vietnam.

2. Subject to prior approval by the competent authorities, the Company may, where necessary, open bank accounts abroad in accordance with applicable laws.

3. The Company shall conduct all payments and accounting transactions through its Vietnam Dong or foreign currency accounts opened with banks.

Article 48. Fiscal year

The fiscal year of the Company shall commence on January 1st and end on December 31st of each calendar year. The first fiscal year of the Company commenced on the date of issuance of the Enterprise Registration Certificate and ended on December 31st, 2005.

Article 49. Accounting system

1. The Company shall apply the Enterprise Accounting Regime, or any specialized accounting regime issued or approved by the competent authorities.

2. The Company shall maintain its accounting books and records in Vietnamese and preserve them in accordance with applicable accounting laws and other relevant legal regulations. Such records must be accurate, up-to-date, systematic, and sufficient to evidence and explain the Company's transactions.

3. The accounting currency of the Company shall be the Vietnamese Dong (VND).

XV. FINANCIAL STATEMENTS, ANNUAL REPORTS AND INFORMATION DISCLOSURE OBLIGATIONS

Article 50. Annual, Semi-Annual and Quarterly Financial Statements

1. The Company shall prepare annual financial statements, which must be audited in accordance with applicable laws. The Company shall disclose its audited annual financial statements in accordance with regulations on information disclosure in the securities market and submit them to the competent state authorities.

2. The annual financial statements shall include all reports, appendices, and explanatory notes required under laws on corporate accounting. The annual financial

statements must present fairly and accurately the financial position and operating results of the Company.

3. The Company shall prepare and disclose reviewed semi-annual and quarterly financial statements in accordance with securities market information disclosure regulations and submit them to the competent state authorities.

Article 51. Annual Report

The Company shall prepare and disclose its Annual Report in accordance with the laws and regulations governing securities and the securities market.

XVI. AUDIT OF THE COMPANY

Article 52. Audit

1. The General Meeting of Shareholders shall appoint an independent auditing firm or approve a list of independent auditing firms and authorize the Board of Directors to select one of such firms to audit the Company's financial statements for the following fiscal year, based on the terms and conditions agreed with the Board of Directors.

2. The audit report shall be attached to the Company's annual financial statements.

3. The independent auditor auditing the Company's financial statements shall be entitled to attend meetings of the General Meeting of Shareholders, receive notices and other information relating to such meetings, and express opinions at the meetings on matters relating to the audit of the Company's financial statements.

XVII. COMPANY SEAL

Article 53. Company seal

1. The Company's seal may be a physical seal produced by an authorized seal engraving service provider or a digital signature in accordance with the laws on electronic transactions.

2. The Board of Directors shall determine the type, quantity, form, and contents of the seals of the Company, its branches, and representative offices.

3. The Board of Directors and the General Director shall manage and use the Company's seals in accordance with this Charter, the Company's internal regulations, and applicable laws.

XVIII. DISSOLUTION OF THE COMPANY

Article 54. Dissolution of the Company

1. The Company may be dissolved in the following circumstances:

- a) Upon expiration of the operating term stated in the Charter, unless an extension has been approved;
- b) Pursuant to a resolution or decision of the General Meeting of Shareholders;
- c) Upon revocation of the Enterprise Registration Certificate, except where otherwise provided by the Law on Tax Administration;
- d) Other circumstances as prescribed by law.

2. The early dissolution of the Company (including during any extended operating term) shall be decided by the General Meeting of Shareholders and implemented by the Board of Directors. Such dissolution decision must be notified to, or approved by, the competent authorities where required by law.

Article 55. Extension of the Company's operating term

1. The Board of Directors shall convene a meeting of the General Meeting of Shareholders at least seven (07) months prior to the expiry of the Company's operating term for shareholders to vote on any proposal by the Board of Directors to extend such operating term.

2. The operating term shall be extended if approved by shareholders representing at least sixty-five percent (65%) of the total voting shares of all shareholders attending and voting at the General Meeting of Shareholders.

Article 56. Liquidation

1. At least six (06) months prior to the expiry of the Company's operating term, or immediately after a resolution on dissolution has been adopted, the Board of Directors shall establish a Liquidation Committee consisting of three (03) members, of whom two (02) members shall be appointed by the General Meeting of Shareholders and one (01) member shall be nominated by the Board of Directors from an independent auditing firm. The Liquidation Committee shall adopt its own operating regulations. Members of the Liquidation Committee may be selected from among the Company's employees or independent experts. All expenses relating to the liquidation process shall be paid by the Company in priority to all other liabilities.

2. The Liquidation Committee shall report to the Business Registration Authority on the date of its establishment and commencement of operations. From

that time, the Liquidation Committee shall represent the Company in all matters relating to the liquidation before courts and administrative authorities.

3. Proceeds from the liquidation shall be distributed in the following order of priority:

a) Liquidation expenses;

b) Outstanding salaries, severance allowances, social insurance contributions, and other employee benefits under collective labor agreements and employment contracts;

c) Tax liabilities;

d) Other liabilities of the Company;

e) The remaining balance after settlement of all liabilities referred to in items (a) through (d) above shall be distributed among shareholders. Preference shares shall be paid in priority.

XIX. INTERNAL DISPUTE RESOLUTION

Article 57. Internal dispute resolution

1. In the event of any dispute or claim relating to the Company's operations or the rights and obligations of shareholders under the Law on Enterprises, this Charter, other applicable laws, or agreements between:

a) A shareholder and the Company; or

b) A shareholder and the Board of Directors, the Board of Supervisors, the General Director, or other executives,

The parties concerned shall first seek to resolve the dispute through negotiation and mediation. Except where the dispute involves the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, the Chairman shall preside over the dispute resolution process and request each party to submit relevant information concerning the dispute within thirty (30) working days from the date the dispute arises. Where the dispute involves the Board of Directors or the Chairman of the Board of Directors, any party may request the appointment of an independent expert to act as mediator.

2. If no settlement is reached within six (06) weeks from the commencement of mediation, or if the mediator's decision is not accepted by the parties, either party may submit the dispute to arbitration or a competent court.

3. Each party shall bear its own costs incurred in negotiation and mediation. Court costs shall be allocated in accordance with the court's judgment.

XX. AMENDMENTS AND SUPPLEMENTS TO THE CHARTER

Article 58. Charter of the Company

1. Any amendment or supplement to this Charter shall be considered and approved by the General Meeting of Shareholders.

2. Where legal provisions relating to the Company's operations are not addressed in this Charter, or where newly enacted laws contain provisions inconsistent with this Charter, such legal provisions shall prevail and govern the Company's operations.

XXI. EFFECTIVE DATE

Article 59. Effective date

1. This Charter, consisting of twenty-one (21) Chapters and fifty-nine (59) Articles, was unanimously approved by the General Meeting of Shareholders of Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company on June 25th, 2026 in Hanoi and became effective in its entirety on the same date.

2. This Charter is executed in six (06) originals of equal legal validity and shall be kept at the Company's head office.

3. This Charter constitutes the sole and official Charter of the Company.

4. Copies or extracts of this Charter shall be valid only if signed by the Chairman of the Board of Directors or by at least one-half (1/2) of the total members of the Board of Directors.

LEGAL REPRESENTATIVE

Tran Viet Phuong

APPENDIX 01:**BUSINESS LINES**

(Issued together with the Charter of Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company approved by the General Meeting of Shareholders on June 25th, 2026)

No.	Business line	CODE
1	Real estate business, land use rights owned, used, or leased. Details: - Leasing of warehouses and parking areas; - Warehousing business; - Leasing of kiosks and offices for business purposes.	6810
2	Service activities incidental to air transportation. Details: - Other transportation support services; - Ground transportation services; - Passenger terminal operation services; Cargo terminal and warehouse operation services; Ground handling and commercial technical services. (Business activities shall only be conducted upon satisfaction of applicable legal conditions and within the scope permitted by licenses issued by competent authorities, (if any))	5223 (main)
3	Cargo handling Details: - Handling of baggage and cargo transported by road and air.	5224
4	Other transportation support activities Details: - Cargo inspection and weighing services; - Air, sea and road freight forwarding services; - Customs brokerage services; - Airline ticket agency services; - Freight dispatching services; - Freight forwarding services; - Collection and delivery of transport documents or bills of lading; - Other related activities such as cargo packaging for transportation protection purposes, unloading, sampling and weighing of goods (excluding air cargo transportation).	5229
5	Other education not elsewhere classified Details: Non-degree education at training centers; foreign language training and conversational skills training; public speaking skills training.	8559
6	Repair and maintenance of machinery and equipment.	3312

4C
G
PH
HA
I
HC

No.	Business line	CODE
7	Repair and maintenance of electronic and optical equipment.	3313
8	Repair and maintenance of electrical equipment.	3314
9	Repair, maintenance of transport equipment (excluding motor vehicles, motorcycles, mopeds and other motor vehicles).	3315
10	Wholesale of motor vehicles and other motor vehicles.	4661
11	Repair and maintenance of motor vehicles and other motor vehicles.	9531
12	Wholesale of spare parts and auxiliary parts of motor vehicles and other motor vehicles.	4662
13	Wholesale of other machinery, equipment, and spare parts. Details: Wholesale of machinery and equipment not elsewhere classified for commercial, industrial, maritime and other service activities; trading of fire prevention and firefighting vehicles, equipment and supplies.	4659
14	Other specialized wholesale not elsewhere classified.	4679
15	Freight transport by road. Details: Freight transportation by specialized vehicles, heavy cargo transportation, rental of trucks with drivers, rental of specialized vehicles with drivers for freight transportation, and other road freight transport activities.	4933
16	Warehousing and storage Details: Storage and warehousing services, including general warehouses and cold storage facilities.	5210
17	Service activities incidental to land transportation. Details: Operation and management of roads, bridges, tunnels, car parks, garages, bicycle parking lots and motorcycle parking lots.	5225
18	Postal and courier activities. Details: Collection, transportation and delivery of domestic and international goods.	5320
19	Advertising (excluding activities prohibited by law).	7310
20	Renting and leasing of motor vehicles.	7710
21	Renting and leasing of other machinery, equipment and tangible goods without operators. (subject to satisfaction of applicable business conditions as prescribed by law).	7730
22	Temporary employment agency activities.	7821
23	Office administrative and support activities.	8210
24	Other business support service activities not elsewhere classified. Details: Export of goods traded by the Company (excluding independent auction activities); entrusted export and import services and acceptance of entrusted export and import services.	8299

No.	Business line	CODE
25	(For conditional business lines, the Company shall only conduct business activities upon satisfying all conditions and capacity requirements prescribed by law.	Business line does not correspond to any code under the Vietnam Standard Industrial Classification System

// 0.1 //
 2
 16. 17

APPENDIX 02:**LIST OF FOUNDING SHAREHOLDERS OF THE COMPANY**

*(Information on the founding shareholders and their shareholding ratios at the time of incorporation of the Company)
(Issued together with the Charter of Noi Bai Cargo Terminal Services Joint Stock Company
approved by the General Meeting of Shareholders on June 25th, 2026)*

No.	Shareholder's name	Enterprise Registration No.	Address	Number of share	Ownership ratio (%)
1	Vietnam Airlines JSC	Enterprise Registration No.: 0100107518	No. 200 Nguyen Son Street, Bo De Ward, Long Bien District, Hanoi, Vietnam	2,100,000	60
2	Transport And Chartering Corporation	Enterprise Registration No.: 0100105937	No. 74 Nguyen Du Street, Nguyen Du Ward, Hai Ba Trung District, Hanoi, Vietnam	280,000	8
3	Vietnam Airport Services Joint Stock Company	Enterprise Registration No.: 0100108254	Noi Bai International Airport, Soc Son District, Hanoi, Vietnam	280,000	8